TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/DS-ST
Ngày 04 - 9 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Diễm Phúc

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên toà: Ông Dương Tấn Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL; địa chỉ trụ sở: Số 40 – 42 – 44 PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Trần Tuấn A (chức vụ: Tổng giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP KL.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Tuấn A: Ông Huỳnh Hữu V (chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện Đầm Dơi – Ngân hàng TMCP KL) là người đại diện theo ủy quyền của bà Tuấn A (văn bản ủy quyền số 155/UQ-NHKL ngày 31/01/2019).

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Hữu V: Ông Nguyễn Vũ M (chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch huyện Đầm Dơi – Ngân hàng TMCP KL) là người đại diện theo ủy quyền của ông V (văn bản ủy quyền số 154/UQ-NHKL ngày 04/3/2019) (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Công T, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trương Mỹ T1; cư trú tại: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Trương Công D; cư trú tại: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Ông Đỗ Văn Đ; cư trú tại: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Bà Trương Thúy Q; cư trú tại: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị N; cư trú tại: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL trình bày: Anh Trương Công T có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL (gọi tắt: Ngân hàng KL) số tiền 500.000.000đ, mục đích vay bổ sung vốn mua xáng cuốc, ngày giải ngân 14/9/2017, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 11,61%/năm. Lãi suất cho vay thay đổi 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ, tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng 4,23%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán lãi vay trả 01 tháng/lần và vốn vay được trả vào các kỳ: Từ ngày 14/9/2017 đến ngày 14/8/2022, mỗi tháng trả 8.000.000đ; đến ngày 14/9/2022 trả gốc 28.000.000đ.

Tài sản thế chấp dùng để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết tại hợp đồng thế chấp số 375/17/HĐTC-BĐS/2001-5443 ngày 14/9/2017, cụ thể:

Quyền sử dụng đất tọa lạc ấp BS, xã TD, huyện ĐD thửa đất số 252, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận số CE 862618, diện tích 2.600m^2 (300m^2 đất ONT, 2.300m^2 đất CLN) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho anh Trương Công T ngày 26/6/2017.

Quyền sử dụng đất tọa lạc ấp BS, xã TD, huyện ĐD thửa đất số 205, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận số CE 862617, diện tích 34.642m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp anh Trương Công T ngày 26/6/2017.

Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã được Phòng Công chứng số 01 tỉnh Cà Mau chứng nhận vào ngày 14/9/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/9/2017 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi đúng theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi vay cho đến nay anh T không trả vốn, lãi. Nay Ngân hàng KL yêu cầu anh T trả 526.620.338đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến

khi thanh toán dứt nợ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng KL có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Anh Trương Công T, bà Trương Mỹ T1, ông Trương Công D, bà Trương Thúy Q và bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL yêu cầu anh T trả vốn 468.000.000đ, lãi 99.520.450đ, tổng cộng 567.520.450đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt nợ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng KL có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Ông Đến đồng ý để ngân hàng phát mãi tài sản là phần đất khoảng 10 công nhỏ của anh T, yêu cầu giữ lại phần đất thổ cư và nhà cho bà N, không đồng ý cho ngân hàng phát mãi phần đất của ông nằm trong giấy chứng nhận do anh T đứng tên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL, buộc anh T trả cho ngân hàng KL tổng số tiền 567.520.450đ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và cho phép Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo khoản tiền vay để thu hồi nợ, nếu trường hợp anh T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Chi phí xem xét tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL khởi kiện yêu cầu anh Trương Công T trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Toà án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Trương Công T, bà Trương Thúy Q, nhưng các đương sự này vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Đối với bà Trương Mỹ T1, ông Trương Công D và bà Nguyễn Thị N có đơn xin từ chối tham gia tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KL, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh T có ký kết hợp đồng tín dụng số 375/17/HĐTD/2001-5443 ngày 14/9/2017 với Ngân hàng KL để vay số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay bổ sung vốn mua xáng cuốc. Đồng thời anh T có ký kết tiếp hợp đồng thế chấp số 375/17/HĐTC-BĐS/2001-5443 ngày 14/9/2017 đối với quyền sử dụng đất tọa lạc ấp BS, xã TD, huyện ĐD thửa đất số 252, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận số CE 862618, diện tích 2.600m^2 (300m^2 đất ONT, 2.300m^2 đất CLN) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp anh Trương Công T ngày 26/6/2017 và quyền sử dụng đất tọa lạc ấp BS, xã TD, huyện ĐD thửa đất số 205, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận số CE 862617, diện tích 34.642m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp anh Trương Công T ngày 26/6/2017 để đảm bảo cho khoản vay với Ngân hàng KL là thực tế có xãy ra.

[4] Xét hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng KL với anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng KL và anh T về mức lãi suất nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 04/9/2019 anh T còn nợ Ngân hàng KL số tiền vốn 468.000.000đ; lãi 99.520.450đ, tổng cộng 567.520.450đ. Như vậy, việc anh T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã làm thiệt hại đến quyền lợi của Ngân hàng KL, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, cho nên anh T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng KL tổng số tiền 567.520.450đ là phù hợp.

[5] Đối với anh T: Mặc dù anh đã biết được nội dung khởi kiện của Ngân hàng KL, nhưng không phản đối bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KL thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng KL về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng KL về việc thanh lý tài sản đảm bảo trong trường hợp anh T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định "Trong trường hợp khách hàng

không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật". Do đó, yêu cầu của Ngân hàng KL là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Khi Tòa án xem xét tại chỗ đối với các phần đất thế chấp thì những người này đồng ý để Ngân hàng KL phát mãi phần đất của anh T khoảng 10 công nhỏ để thu hồi nợ, đồng thời yêu cầu giữ nguyên các căn nhà của bà N và các phần đất mà những người đó đang quản lý sử dụng nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T đứng tên. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này không làm thủ tục yêu cầu độc lập để được Tòa án thụ lý, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết đối với yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Xét về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KL được chấp nhận, nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: 20.000.000đ + (167.520.450đ x 04%) = 26.700.000đ.

[10] Xét về chi phí xem xét tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KL được chấp nhận, nên anh T phải chịu chi phí xem xét tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 157 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

1. Buộc anh Trương Công T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền là 567.520.450 đồng (năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi ngàn bốn trăm năm mươi đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp anh Trương Công T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 375/17/HĐTD/2001-5443 ngày 14/9/2017, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng đất tọa lạc ấp BS, xã TD, huyện ĐD thửa đất số 252, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận số CE 862618, diện tích 2.600m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp anh Trương Công T ngày 26/6/2017 và quyền sử dụng đất tọa lạc ấp BS, xã TD, huyện ĐD thửa đất số 205, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận số CE 862617, diện tích 34.642m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho anh Trương Công T ngày 26/6/2017 để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng KL 12.532.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ba mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009191 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Anh Trương Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 26.700.000 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm ngàn đồng).

5. Về chi phí xem xét tại chỗ: Anh Trương Công T phải chịu chi phí là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Buộc anh Trương Công T phải có nghĩa vụ nộp số tiền 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

6. Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét tại chỗ, nếu anh Trương Công T chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh